

Số: 64/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Điều 76, Điều 77 và một số biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phục hồi, phá sản về thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (sau đây gọi là quyết định tuyên bố phá sản).

Điều 2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thi hành quyết định tuyên bố phá sản

Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cơ quan bảo hiểm xã hội, cơ quan đăng ký tài sản, cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm, cơ quan đăng ký doanh nghiệp, cơ quan thuế, cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các quyết định về thi hành án, văn bản, yêu cầu, đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong quá trình tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thi hành án trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản là người được thi hành án

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản là người được thi hành án theo các bản án, quyết định đã có hiệu lực khác thì cơ quan thi hành án dân sự tiếp tục tổ chức thi hành theo quy định của pháp luật. Chấp hành viên thông báo kết quả thi hành án cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để phối hợp và cho Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản để có phương án phân chia tài sản thu được.

Chương II

THỦ TỤC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ PHÁ SẢN

Mục 1

THỦ TỤC CHUNG

Điều 4. Ra quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản

1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành đối với mỗi quyết định tuyên bố phá sản.

2. Thủ tục ra quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Điều 5. Yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản

1. Văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 76 của Luật Phục hồi, phá sản có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Số, ngày, tháng, năm, tên cơ quan ban hành văn bản;
- b) Tên của Chấp hành viên yêu cầu;
- c) Tên của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thi hành quyết định tuyên bố phá sản;
- d) Tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản;
- đ) Nội dung yêu cầu.

2. Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản từ chối tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Phục hồi, phá sản thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải có văn bản từ chối gửi Tòa án nhân dân giải quyết vụ việc và cơ quan thi hành án dân sự, nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Thẩm phán ra quyết định thay đổi hoặc có văn bản từ chối việc thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản nhưng phải nêu rõ lý do và thông báo, gửi quyết định, văn bản đó cho cơ quan thi hành án dân sự. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải thực hiện quyết định thay đổi hoặc văn bản từ chối việc thay đổi của Thẩm phán.

Điều 6. Thông báo, gửi văn bản, quyết định về thi hành quyết định tuyên bố phá sản

1. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ban hành văn bản, quyết định về thi hành quyết định tuyên bố phá sản phải thông báo văn bản, quyết định đó cho Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự và người tham gia thủ tục phá sản để thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung của văn bản, quyết định đó.

Thời hạn thông báo, gửi văn bản, quyết định là 03 ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản, quyết định. Thủ tục thông báo, gửi thực hiện theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản và pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Việc thông báo, gửi các văn bản, quyết định về thi hành quyết định tuyên bố phá sản do cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên ban hành thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Điều 7. Xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên bố phá sản

1. Trong thời hạn 09 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên quy định tại Điều 5 Nghị định này, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên bố phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản; của người mắc nợ, người có tài sản bảo đảm theo quyết định tuyên bố phá sản và của người khác có liên quan.

Người mắc nợ, người có tài sản bảo đảm theo quyết định tuyên bố phá sản có trách nhiệm kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành quyết định tuyên bố phá sản và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình.

2. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm thực hiện việc xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trường hợp phát sinh chi phí thì phải thanh toán theo quy định và được xác định là chi phí phá sản.

Điều 8. Nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản, Chấp hành viên có văn bản đề nghị Tòa án chuyển số tiền còn lại mà Tòa án đã thu được từ tài khoản ngân hàng do Tòa án chỉ định vào tài khoản ngân hàng do cơ quan thi hành án dân sự chỉ định để xử lý theo quy định. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Tòa án có trách nhiệm chuyển số tiền thu được cho cơ quan thi hành án dân sự.

2. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản đã trả trước tiền thuê theo quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Phục hồi, phá sản thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên về việc tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản đề nghị và ấn định thời hạn để chủ sở hữu tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuê chuyển tiền theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Người mua, người nhận tài sản; chủ sở hữu tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản thuê và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác phải chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng do cơ quan thi hành án dân sự chỉ định và thông báo cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản biết.

4. Chi phí chuyển tiền khi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên gửi các khoản tiền thu được vào tài khoản ngân hàng do cơ quan thi hành án dân sự chỉ định được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản tại thời điểm thực hiện việc chuyển tiền.

Điều 9. Ủy thác thi hành quyết định tuyên bố phá sản

1. Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản để thi hành quyết định tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Trường hợp ủy thác thi hành toàn bộ quyết định tuyên bố phá sản cho duy nhất 01 cơ quan thi hành án dân sự thì cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác mở một tài khoản tại ngân hàng để gửi các khoản tiền thu hồi được của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản và thực hiện việc thanh toán tiền theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. Trường hợp cơ quan ủy thác đã mở tài khoản thì sau khi có thông báo nhận ủy thác, số tiền trong tài khoản (nếu có) được chuyển đến tài khoản mới của cơ quan nhận ủy thác để xử lý theo quy định; tài khoản mà cơ quan ủy thác đã mở được hủy bỏ.

3. Trường hợp ủy thác thi hành án đối với khoản phải thi hành cụ thể có tài sản bảo đảm theo quyết định tuyên bố phá sản cho cơ quan thi hành án dân sự nơi có tài sản hoặc ủy thác xử lý tài sản để thi hành quyết định tuyên bố phá

sản thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thu được tiền, cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác phải chuyển số tiền thu được vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác và thông báo cho cơ quan đã ủy thác biết để thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố phá sản. Trách nhiệm của cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác hoàn thành sau khi kết thúc việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản đối với nội dung được ủy thác và chuyển tiền cho cơ quan đã ủy thác.

Điều 10. Thủ tục trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản

1. Cơ quan thi hành án dân sự tiếp nhận văn bản đề nghị trả lại tài sản và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, hợp đồng cho thuê, cho mượn của chủ sở hữu tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuê hoặc mượn theo quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Phục hồi, phá sản. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và các giấy tờ quy định tại khoản này, Chấp hành viên thông báo và chuyển cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

Trường hợp chủ sở hữu tài sản có văn bản đề nghị trước khi có quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản thì việc yêu cầu trả lại tài sản cho thuê hoặc cho mượn được đưa vào văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này hoặc kể từ ngày người cho thuê đã thanh toán số tiền thuê tương ứng với thời gian thuê còn lại thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu và báo cáo bằng văn bản cho Chấp hành viên biết.

Điều 11. Thanh toán tiền và thu phí thi hành quyết định tuyên bố phá sản

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cơ quan thi hành án dân sự nhận được tiền hoặc kể từ ngày giao tài sản cho người mua, người nhận tài sản, Chấp hành viên thực hiện thanh toán tiền theo quyết định tuyên bố phá sản. Thủ tục thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Các chi phí phát sinh trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố phá sản là chi phí phá sản được thanh toán theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản. Nội dung chi, mức chi, thủ tục tạm ứng, hoàn tạm ứng, lập dự toán, chấp hành và quyết toán chi phí phát sinh trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố phá sản thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Người được thi hành án trong quyết định tuyên bố phá sản phải nộp phí thi hành án theo quy định của pháp luật về phí thi hành án.

Đối với khoản tiền, tài sản chi trả cho người được thi hành án do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thu được từ việc bán tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã mà Chấp hành viên không ra quyết định cưỡng chế thì cơ quan thi hành án dân sự không thu phí thi hành án.

Điều 12. Trả lời kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân trong thi hành quyết định tuyên bố phá sản

1. Việc trả lời, thực hiện kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân đối với quyết định, hành vi của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên trong thi hành quyết định tuyên bố phá sản thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm trả lời kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền đối với quyết định, hành vi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kháng nghị, kiến nghị, đồng thời báo cáo Chấp hành viên về việc trả lời kháng nghị, kiến nghị.

Mục 2

ĐỊNH GIÁ, BÁN TÀI SẢN VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ

Điều 13. Định giá tài sản

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản của Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ với doanh nghiệp thẩm định giá để định giá tài sản; đối với tài sản Chấp hành viên ra quyết định kê biên thì thời hạn là 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc kê biên tài sản.

Việc lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ với doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản của Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải xác định giá đối với tài sản quy định tại khoản 3 Điều 77 của Luật Phục hồi, phá sản. Trường hợp cần thiết, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để tư vấn hoặc tham khảo ý kiến của cơ quan chuyên môn liên quan đến tài sản và xác định giá tài sản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản của Chấp hành viên.

3. Trường hợp Thẩm phán quyết định việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán sau khi mở thủ tục phá sản để bảo đảm chi phí phá sản theo quy định tại khoản 5 Điều 20 của Luật Phục hồi, phá sản nhưng

không bán được sau đó Thẩm phán mới ra quyết định tuyên bố phá sản thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức bán tài sản theo quy định tại Điều 15 Nghị định này theo mức giá bán liền kề trước khi có quyết định tuyên bố phá sản. Trường hợp chứng thư thẩm định giá đã hết hiệu lực trước khi bán tài sản thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản được định giá không có giá trị, không bán được theo quy định tại khoản 6 Điều 77 của Luật Phục hồi, phá sản, Quản tài viên đề xuất Thẩm phán xác định tài sản đó không còn là tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản. Văn bản của Thẩm phán là căn cứ để cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án và yêu cầu Quản tài viên tổ chức thi hành.

Điều 14. Định giá lại tài sản

1. Chấp hành viên quyết định định giá lại tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 77 của Luật Phục hồi, phá sản khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có căn cứ xác định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản hoặc doanh nghiệp thẩm định giá có vi phạm nghiêm trọng dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản;

b) Có kết luận của cơ quan, người có thẩm quyền về việc Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản hoặc doanh nghiệp thẩm định giá có vi phạm nghiêm trọng dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản.

2. Việc định giá lại được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này. Thủ tục định giá lại thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

3. Giá khởi điểm để đấu giá lần đầu là giá theo kết quả định giá tại Điều 13 Nghị định này. Trường hợp định giá lại thì kết quả định giá lại được lấy làm giá khởi điểm để đấu giá lần đầu.

4. Trường hợp định giá lại theo quy định tại khoản 1 Điều này thì chi phí định giá lại tài sản do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chịu và được trừ vào thù lao Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

Điều 15. Bán tài sản

1. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản để thi hành quyết định tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Chấp hành viên có quyền yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đề nghị tổ chức hành nghề đấu giá, Hội đồng đấu giá tài sản,

Đấu giá viên tạm dừng, dừng việc tổ chức đấu giá, phiên đấu giá tài sản khi có căn cứ theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm thực hiện ngay yêu cầu của Chấp hành viên, trường hợp không thực hiện thì phải chịu trách nhiệm, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Khoản tiền đặt trước theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 39 của Luật Đấu giá tài sản được nộp vào tài khoản ngân hàng do cơ quan thi hành án dân sự chỉ định để thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác định giá, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức bán không qua thủ tục đấu giá đối với các tài sản quy định tại khoản 3 Điều 77 của Luật Phục hồi, phá sản; đối với tài sản có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải tổ chức bán trong thời hạn 24 giờ.

Việc bán tài sản phải lập thành biên bản, có chữ ký của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người mua tài sản và người làm chứng (nếu có).

Điều 16. Giao tài sản, giấy tờ cho người mua, người nhận tài sản

1. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc giao tài sản, giấy tờ cho người mua, người nhận tài sản, giấy tờ để thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

2. Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày người mua, người nhận nộp đủ tiền hoặc hết thời hạn giao tài sản, giấy tờ theo quyết định tuyên bố phá sản mà đương sự, người nắm giữ, quản lý, sử dụng tài sản, giấy tờ chống đối, cản trở, không tự nguyện giao tài sản, giấy tờ thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản đề nghị Chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ, quản lý, sử dụng tài sản, giấy tờ có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong việc giao tài sản, giấy tờ cho người mua, người nhận tài sản.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân cản trở, can thiệp trái pháp luật dẫn đến việc chậm giao tài sản, giấy tờ mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Áp dụng biện pháp cưỡng chế

1. Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã thông báo, yêu cầu, vận động, thuyết phục mà người đang nắm giữ, quản lý, sử dụng tài sản, giấy tờ; người mắc nợ; người có tài sản bảo đảm theo quyết định

tuyên bố phá sản hoặc những người khác có nghĩa vụ không tự nguyện thi hành và có đủ căn cứ để áp dụng biện pháp cưỡng chế thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản đề nghị Chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp cưỡng chế phải nêu rõ đối tượng, người bị áp dụng, sự cần thiết, căn cứ áp dụng biện pháp cưỡng chế và gửi kèm theo văn bản thể hiện kết quả xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên bố phá sản, tài liệu khác có liên quan. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải chịu trách nhiệm về các thông tin, tài liệu cung cấp cho cơ quan thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế thi hành án hoặc có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bổ sung tài liệu, thực hiện các công việc khác để làm căn cứ ra quyết định cưỡng chế.

Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm bổ sung tài liệu và thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Chấp hành viên.

2. Chấp hành viên tổ chức cưỡng chế theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải tham gia và phối hợp với Chấp hành viên trong quá trình tổ chức cưỡng chế.

Trường hợp áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản thì sau khi thực hiện xong việc kê biên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc định giá, bán tài sản theo quy định tại Điều 77 của Luật Phục hồi, phá sản, các Điều 13, 14 và 15 Nghị định này.

3. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế của mình. Trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không đúng mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Mục 3

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA QUẢN TÀI VIÊN, DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN

Điều 18. Thời điểm và hình thức giám sát

1. Chấp hành viên giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản sau khi có văn bản yêu cầu quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Chấp hành viên giám sát thông qua báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Việc báo cáo được thực hiện trực tiếp hoặc bằng văn bản được gửi qua đường bưu điện, trên môi trường số theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Báo cáo phải gửi kèm hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản; trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không báo cáo hoặc báo cáo không trung thực, không đầy đủ nội dung và hồ sơ, tài liệu thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 19. Nội dung giám sát

1. Chấp hành viên giám sát đối với các hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong thi hành quyết định tuyên bố phá sản theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản. Việc giám sát đối với một số trường hợp cụ thể thực hiện như sau:

a) Trước khi lựa chọn, thay đổi doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra thẩm định giá, đấu giá; tên, địa chỉ của doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; lý do lựa chọn. Nếu thay đổi doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thì báo cáo phải nêu rõ lý do thay đổi;

b) Trường hợp không lựa chọn được doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải báo cáo ngay Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra thẩm định giá, đấu giá tài sản; quá trình lựa chọn; lý do không lựa chọn được doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

c) Trước khi xác định giá của tài sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra xác định giá; lý do cần xác định giá.

Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để tư vấn hoặc tham khảo ý kiến của cơ quan chuyên môn thì ngay sau khi nhận được các ý kiến tư vấn, tham khảo, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo ngay Chấp hành viên kết quả. Nội dung báo cáo nêu rõ ý kiến của doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan chuyên môn và nêu rõ mức giá mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản lựa chọn;

d) Sau khi đấu giá tài sản không thành, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra đấu giá; tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; quá trình đấu giá tài sản; lý do đấu giá tài sản không thành;

đ) Trước khi bán tài sản không qua thủ tục đấu giá, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản bán không qua thủ tục đấu giá, căn cứ để không đưa ra đấu giá và giá tài sản;

e) Sau khi bán được tài sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản báo cáo Chấp hành viên kết quả bán tài sản. Đối với tài sản mà không bán được hết trong một lần thì khi bán được phần tài sản nào, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo Chấp hành viên về phần đó. Nội dung báo cáo nêu rõ ngày, tháng, năm thực hiện việc bán tài sản; hình thức bán tài sản; tài sản đã bán được, số tiền bán được; tài sản chưa bán được;

g) Khi thi hành quyết định tuyên bố phá sản có yếu tố nước ngoài thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo Chấp hành viên. Trường hợp cần tương trợ tư pháp thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đề nghị Chấp hành viên thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp và pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp cần xử lý tài sản ở nước ngoài thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án Việt Nam ở nước ngoài và báo cáo Chấp hành viên biết về kết quả yêu cầu công nhận và thi hành.

2. Khi thực hiện giám sát, Chấp hành viên có quyền yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cung cấp hồ sơ, tài liệu; giải trình; chấm dứt hành vi vi phạm; khắc phục hậu quả; thực hiện các công việc, thủ tục theo quy định của pháp luật để thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu của Chấp hành viên thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trường hợp có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Phục hồi, phá sản hoặc có căn cứ xác định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm thủ tục tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản, Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Quản tài viên thì tùy theo mức độ vi phạm, Chấp hành viên có văn bản đề nghị Tòa án thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.

2. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đang tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa thi hành xong thì việc tổ chức thi hành được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản số 51/2014/QH13, Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 112/2025/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 07/2018/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp trong thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2b). 70

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Hồ Quốc Dũng